TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 37/2019/DS-ST
Ngày: 25/11/2019
V/v: "Tranh chấp
hợp đồng tín dụng".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuyển.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bế Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 177/2019/TLST-DS, ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng H.

Địa chỉ: Phường T, quận C, Tp Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Phạm Văn T - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng H, chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Văn Đ - Chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách phòng giao dịch số 1 Ngân hàng H, chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh B, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin từ chối tham gia tố tụng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Thu T.

Địa chỉ: Xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:

Ngày 16/6/2014 Phòng giao dịch số 1- Ngân hàng H - chi nhánh Đắk Lắk cho ông Huỳnh B, bà Phan Thị Thu T vay vốn theo hợp đồng tín dụng số TD54100001 số tiền vay 150.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng (phương thức cho vay từng lần, trả đều hàng tháng mỗi tháng trả 3.130.000đ, tháng thứ 48 trả số tiền còn lại 2.890.000đ, lãi được trả cùng với nợ gốc được tính theo phương pháp tích số), lãi suất tiền vay 1,125%/ tháng, hạn trả cuối cùng ngày 16/6/2018. Qúa trình trả nợ ông B, bà T chỉ trả được 70.701.800đ tiền gốc, trả được nợ đến hết tháng 8/2016 và 39.818.400đ tiền lãi. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng đã ký kết thì ông Huỳnh B, bà Phan Thị Thu T đã vi phạm hợp đồng và chuyển nợ quá hạn từ ngày 30/10/2017, lãi suất quá hạn là 1.688%/tháng. Tính đến hết ngày 25/11/2019 ông Huỳnh B, bà Phan Thị Thu T còn nợ Ngân hàng tổng cộng là: 122.942.900đ (Một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm đồng), trong đó: tiền gốc: 79.298.200 đồng, tiền lãi: 43.644.700 đồng.

Nay Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh B và bà Phan Thị Thu T phải thanh toán số tiền gốc và lãi là: 122.942.900 đồng, và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi kể từ ngày 26/11/2019 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng H theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại bản tự khai lập ngày 03/10/2019, biên bản lấy lời khai ngày 03/10/2019, bị đơn ông Huỳnh B trình bày: Ông Huỳnh B thừa nhận vào ngày 16/6/2014 ông B và vợ là bà Phan Thị Thu T có ký hợp đồng tín dụng số TD54100001 để vay vốn tại phòng giao dịch số 1 - Ngân hàng H - chi nhánh Đắk Lắk, số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng (phương thức cho vay từng lần, trả đều hàng tháng mỗi tháng trả 3.130.000đ, tháng thứ 48 trả số tiền còn lại 2.890.000đ, lãi được trả cùng với nợ gốc được tính theo phương pháp tích số), lãi suất tiền vay 1,125%/ tháng, hạn trả cuối cùng ngày 16/6/2018, mục đích vay là tiêu dùng trong gia đình. Qúa trình trả nợ ông B, bà T chỉ trả được 70.701.800đ tiền gốc, trả được nợ đến hết tháng 8/2016

và 39.818.400đ tiền lãi. Từ tháng 9/2016 đến nay ông B, bà T không tiếp tục trả được khoản nợ nào cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu ông B và bà T liên đới trả số tiền gốc và lãi là 116.519.700đ tính đến hết ngày 04/7/2019 và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi kể từ ngày 05/7/2019 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng H theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, thì ông Huỳnh B đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà bà Phan Thị Thu T trình bày: Bà Phan Thị Thu T là vợ của ông Huỳnh B. Bà T thừa nhận vào ngày 16/6/2014 ông B có ký hợp đồng vay vốn tại phòng giao dịch số 1- Ngân hàng H - chi nhánh Đắk Lắk, số tiền vay là 150.000.000đ. Bà T thừa nhận chữ ký, chữa viết tại mục "Vợ (hoặc chồng)" trong đơn xin vay vốn và cam kết trả nợ lập ngày 12/6/2014 là do bà ký và viết ra. Tuy nhiên, bà T không biết ông Huỳnh B vay số tiền trên để làm gì, do vậy, bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh B đã có đơn xin từ chối tham gia tố tụng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thu T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 73 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đông xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H. Buộc ông Huỳnh B và bà Phan Thị Thu T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng H 122.942.900đ (Một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm đồng), trong đó: tiền gốc: 79.298.200đ, tiền lãi: 43.644.700đ, và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi kể từ ngày 26/11/2019 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng H theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng H, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Đây là tranh chấp dân sự được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện bị đơn ông Huỳnh B có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn ông Huỳnh B có đơn xin từ chối tham gia tố tụng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thu T vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cho bà Phan Thị Thu T. Tại phiên tòa hôm nay bà T vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Huỳnh B và bà Phan Thị Thu T.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Huỳnh B và bà Phan Thị Thu T trả toàn bộ số tiền gốc và lãi suất còn lại theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 16/6/2014 ông Huỳnh B, vay phòng giao dịch số 1 - Ngân hàng H - chi nhánh Đắk Lắk, số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) là thực tế, được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số TD54100001 ngày 16/6/2014 và sự thừa nhận của ông Huỳnh B. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Huỳnh B đã trả cho Ngân hàng 70.701.800đ tiền gốc và 39.818.400đ tiền lãi, còn nợ lại số tiền vay gốc là 79.298.200đ. Hiện nay, đã quá hạn trả nợ theo hợp đồng nhưng ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, nên cần buộc ông Huỳnh B và bà Phan Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H số tiền vay gốc

còn lại là 79.298.200đ, và lãi suất phát sinh theo hợp đồng từ ngày vay đến ngày trả xong nợ sau khi đã khấu trừ số tiền lãi suất đã trả là 39.818.400đ, là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nói trên thì mức lãi suất trong hạn là 1,125%/tháng, lãi suất quá hạn được tính 150% của lãi suất trong hạn. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể như sau:

Tiền lãi trong hạn:

Từ ngày 16/6/2014 đến ngày 29/7/2014 là: 43 ngày x 150.000.000đ x 1,125%: 30 ngày = 2.418.800 đồng.

Từ ngày 29/7/2014 đến ngày 04/9/2014 là: 37 ngày x 146.870.000đ x 1,125%: 30 ngày = 2.037.800 đồng.

Từ ngày 04/9/2014 đến ngày 24/11/2014 là: 81 ngày x 143.740.000đ x 1,125%: 30 ngày = 4.366.100 đồng.

Từ ngày 24/11/2014 đến ngày 07/01/2015 là: 44 ngày x 137.480.000đ x 1,125%: 30 ngày = 2.268.400 đồng.

Từ ngày 07/01/2015 đến ngày 17/3/2015 là: 69 ngày x 134.350.000đ x 1,125%: 30 ngày = 3.476.300 đồng.

Từ ngày 17/3/2015 đến ngày 11/5/2015 là: 55 ngày x 131.220.000đ x 1,125%: 30 ngày = 2.706.400 đồng.

Từ ngày 11/5/2015 đến ngày 20/7/2015 là: 70 ngày x 121.830.000đ x 1,125%: 30 ngày = 3.198.000 đồng.

Từ ngày 20/7/2015 đến ngày 15/9/2015 là: 57 ngày x 121.830.000đ x 1,125%: 30 ngày = 2.604.100 đồng.

Từ ngày 15/9/2015 đến ngày 04/11/2015 là: 50 ngày x 118.700.000đ x 1,125%: 30 ngày = 2.225.600 đồng.

Từ ngày 04/11/2015 đến ngày 23/02/2016 là: 111 ngày x 112.440.000đ x 1,125%: 30 ngày = 4.680.300 đồng.

Từ ngày 23/02/2016 đến ngày 19/4/2016 là: 56 ngày x 106.180.000đ x 1,125%: 30 ngày = 2.229.800 đồng.

Từ ngày 19/4/2016 đến ngày 29/6/2016 là: 71 ngày x 96.790.000đ x 1,125%: 30 ngày = 22.577.000 đồng.

Từ ngày 29/6/2016 đến ngày 22/7/2016 là: 23 ngày x 93.660.000đ x 1,125%: 30 ngày = 807.800 đồng.

Từ ngày 22/7/2016 đến ngày 16/8/2016 là: 25 ngày x 89.004.300đ x 1,125%: 30 ngày = 834.400 đồng.

Từ ngày 16/8/2016 đến ngày 26/10/2016 là: 71 ngày x 85.558.200đ x 1,125%: 30 ngày = 2.278.000 đồng.

Từ ngày 26/10/2016 đến ngày 16/12/2016 là: 51 ngày x 82.428.200đ x 1,125%: 30 ngày = 1.576.400 đồng.

Từ ngày 16/12/2016 đến ngày 30/10/2017 là: 318 ngày x 79.298.200đ x 1,125%: 30 ngày = 9.456.300 đồng.

Tổng tiền lãi trong hạn 49.741.500đ, đã trả 39.818.400đ, còn lại phải trả 9.923.100 đồng.

Lãi suất quá hạn tính từ ngày 30/10/2017 đến ngày 25/11/2019 là: 756 ngày x 79.298.200đ x 1.688% : 30 ngày = 33.721.600 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn phải trả, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 43.644.700 đồng. Đối với tiền lãi chậm trả nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm liên đới trả nợ của bà Phan Thị Thu T: Khi ký kết hợp đồng tín dụng để vay vốn ngân hàng chỉ có ông Huỳnh B đứng ra giao dịch, ký kết. Tuy nhiên, tại đơn xin vay và cam kết trả nợ ngày 12/6/2014 và tại hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng H và ông Huỳnh B đã ký kết thể hiện mục đích vay là tiêu dùng trong gia đình. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 16/9/2019, bà Phan Thị Thu T thừa nhận chữ ký, chữa viết tại mục "Vợ (hoặc chồng)" trong đơn xin vay vốn và cam kết trả nợ lập ngày 12/6/2014 là do bà ký và viết ra. Vì vậy, cần buộc bà Phan Thị Thu T phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Huỳnh B trả nợ cho Ngân hàng, là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Buộc ông Huỳnh B và bà Phan Thị Thu T phải chịu 6.147.145 đồng (Sáu triệu, một trăm bốn mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính: 122.942.900đ x 5% = 6.147.145đ. Hoàn trả cho Ngân hàng H số tiền 2.913.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH -14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H.

Buộc ông Huỳnh B và bà Phan Thị Thu T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng H số tiền 122.942.900đ (Một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm đồng). Trong đó, tiền gốc: 79.298.200 đồng, tiền lãi: 43.644.700 đồng, tính đến ngày 25/11/2019.

Kể từ ngày 26/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc ông Huỳnh B và bà Phan Thị Thu T phải chịu 6.147.145 đồng (Sáu triệu, một trăm bốn mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng H số tiền 2.913.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lại thu số AA/2019/0003813 ngày 28/8/2019.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Huyền Trang